TRƯỜNG TIỂU HỌC .....

Họ và tên: .....

Lớp: 4 .....

Điểm	Lời phê của thầy cô

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán lớp 4 · Đề số 22

Năm học 2026-2027 · Thời gian làm bài: 40 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) *Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. *(0,5 điểm)* Số «Chín trăm năm mươi mốt nghìn tám trăm linh tám» viết là:

A. 951 808 **B.** 961 808 **C.** 951 008 **D.** 9 510 808

Câu 2. *(0,5 điểm)* Dãy số 29, 33, 37, ……, 141 có bao nhiêu số?

A. 28 **B.** 30 **C.** 29 **D.** 31

Câu 3. *(0,5 điểm)* Số bé nhất trong các số 751 965, 651 975, 752 965, 651 965 là:

A. 751 965 **B.** 651 965 **C.** 752 965 **D.** 651 975

Câu 4. *(0,5 điểm)* Với m = 7551, n = 2372, p = 883 thì giá trị biểu thức m − n + p là:

A. 5062 **B.** 4296 **C.** 9040 **D.** 6062

Câu 5. *(0,5 điểm)* Biểu thức nào có giá trị bằng (802 + 207) + 165?

A. 802 + (207 + 165) **B.** (802 + 207) × 165

C. (802 − 207) + 165 **D.** 802 + 207 − 165

Câu 6. *(0,5 điểm)* 3 tạ 5 yến = …… kg

A. 35 **B.** 350 **C.** 3050 **D.** 305

Câu 7. *(0,5 điểm)* Năm 1048 thuộc thế kỉ nào?

A. thế kỉ XI **B.** thế kỉ IX **C.** thế kỉ X **D.** thế kỉ XII

Câu 8. *(0,5 điểm)* Hình thoi có đặc điểm nào sau đây?

A. Chỉ có một cặp cạnh song song

B. Có ba cạnh bằng nhau

C. Có hai cặp cạnh đối diện song song và bốn cạnh bằng nhau

D. Có bốn góc vuông

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Số gồm 8 triệu, 6 chục nghìn, 1 trăm và 1 đơn vị viết là: ……

b) Số «mười lăm triệu sáu trăm linh ba nghìn hai trăm bảy mươi ba» viết là: ……

c) Làm tròn số 5 842 291 đến hàng trăm nghìn được: ……

Câu 10. *(1 điểm)* Cho dãy số: 19, 25, 31, 37, ……, 367. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Dãy có …… số

b) Số thứ 11 của dãy là: ……

Câu 11. *(1 điểm)* Đặt tính rồi tính (viết kết quả vào chỗ chấm):

a) 191 159 + 139 463 = …….

b) 460 216 − 231 890 = …….

c) 10 466 × 3 = …….

d) 59 130 : 9 = …….

Câu 12. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

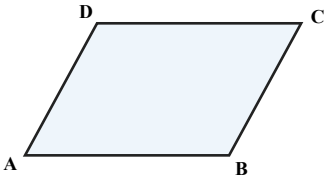
a) 5 tấn 17 kg = ……. kg

b) 7 tạ = ……. yến

c) 2 m^2 91 dm^2 = ……. dm^2

d) 2 phút 6 giây = ……. giây

Câu 13. *(1 điểm)* Quan sát hình bên (góc vuông đã được đánh dấu) rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm:



a) Số góc vuông: …….

b) Số góc nhọn: …….

c) Số góc tù: …….

Câu 14. *(1 điểm)* Ngày thứ nhất cửa hàng bán được 1883 kg gạo. Ngày thứ hai bán được gấp 2 lần ngày thứ nhất. Ngày thứ ba bán được ít hơn ngày thứ hai 556 kg. Hỏi cả ba ngày cửa hàng bán được bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

a) Ngày thứ hai bán được: ……. kg

b) Ngày thứ ba bán được: ……. kg

c) Cả ba ngày bán được: ……. kg

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Toán lớp 4 · Đề số 22

A. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	C	B	D	A	B	A	C

B. Tự luận (mỗi câu 1 điểm)

Câu 9.

a) 8 060 101

b) 15 603 273

c) Chữ số hàng chục nghìn là 4 nên được 5 800 000

Câu 10.

a) (367 − 19) : 6 + 1 = 59 (số)

b) 19 + (11 − 1) × 6 = 79

Câu 11.

a) 191 159 + 139 463 = 330 622

b) 460 216 − 231 890 = 228 326

c) 10 466 × 3 = 31 398

d) 59 130 : 9 = 6570

Câu 12.

a) 5000 + 17 = 5017

b) 1 tạ = 10 yến: 70

c) 200 + 91 = 291

d) 2 × 60 + 6 = 126

Câu 13.

Dùng ê ke kiểm tra các góc ở đỉnh của hình bình hành ABCD: 0 góc vuông, 2 góc nhọn, 2 góc tù.

Câu 14.

Ngày thứ hai: 1883 × 2 = 3766 (kg)

Ngày thứ ba: 3766 − 556 = 3210 (kg)

Cả ba ngày: 1883 + 3766 + 3210 = 8859 (kg)